

Số: 41/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 18/4/2018
V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Minh**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Tĩnh**
Ông **Nguyễn Đức Đẹp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thủy** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Bà **Lê Ánh Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình, thụ lý số 36/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 49, N, V, thành phố Nha Trang.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Trần Xuân P**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 49, N, V, thành phố Nha Trang.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2017 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Bà và ông Trần Xuân P tự nguyện kết hôn với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Nha Trang, Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2009, quyển số 01, ngày 10/3/2009. Trong quá trình chung sống bà L không hạnh phúc, ông P thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn về đập phá đồ đạc và đánh đập bà. Đau đớn tủi nhục nhưng nghĩ tới các con không đành lòng để các con xa cha nên bà nhẫn nhịn chịu đựng cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Đến năm 2016, do không chịu đựng nổi áp lực tâm lý và tinh thần quá lớn nên bà về nhà cha mẹ ruột sống, để ông P có thời gian suy nghĩ, sửa đổi bản thân cùng nhau hàn gắn hạnh

phúc gia đình, chăm lo cho con cái. Nhưng ông P không thay đổi, thậm chí còn đưa người phụ nữ khác về nhà chung sống như vợ chồng. Nay xét thấy không thể chịu đựng được nữa và không thể kéo dài cuộc hôn nhân như vậy nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Xuân P.

Về con chung: Bà và ông P có một con chung là Trần Diệu Q, sinh ngày 17/02/2010. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, tuy nhiên hiện nay cháu Q đang ở cùng ông P và ông P có yêu cầu nuôi cháu Q, cháu cũng có nguyện vọng được ở với ông P nên bà đồng ý giao cháu Q cho ông P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông P không yêu cầu bà cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 08/3/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Trần Xuân P trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc L kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Nha Trang đúng như lời trình bày của bà L. Quá trình chung sống, ông P thừa nhận giữa ông và bà L có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau. Ông và bà L đã sống ly thân gần 01 năm nay, tình cảm giữa hai vợ chồng đến nay không còn. Nay bà L xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà L có một con chung là Trần Diệu Q, sinh ngày 17/02/2010. Hiện nay, bà L đã đi làm ăn xa, chưa ổn định và cháu Q đang ở cùng với ông, cháu đang học hành ổn định nên ông xin trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung, ông P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Diệu Q, sinh ngày 17/02/2010 và cháu Q cũng có lời khai muốn ở cùng ông P nên giao cháu Q cho ông P nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo lợi ích cho cháu. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và bị đơn ông Trần Xuân P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Trần Xuân P tự nguyện kết hôn với nhau năm 2009, được Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Nha Trang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2009, quyển số 01, ngày 10/3/2009. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các biên bản hòa giải bà L và ông P đều thừa nhận giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do không hợp tính tình và ông bà đã sống ly thân gần 01 năm nay. Hai bên đều thừa nhận mâu thuẫn giữa ông bà không thể giải quyết được, khả năng hàn gắn tình cảm là không còn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L, ông P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà L là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Trần Xuân P có một con chung là cháu Trần Diệu Q, sinh ngày 17/02/2010. Ông P có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy : Nguyện vọng của cháu Trần Diệu Q, sinh ngày 17/02/2010 muốn được ở với ông P, hiện nay cháu Q đang sống chung với ông P, để đảm bảo cho quyền lợi của cháu Q nên giao cháu Q cho ông P trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về việc cấp dưỡng nuôi con, Tòa án đã giải thích cho ông P biết quy định của pháp luật về nghĩa vụ bà L cấp dưỡng nuôi con nhưng ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết, xét đây là ý chí tự nguyện của ông P nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và bị đơn ông Trần Xuân P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 238, Điều 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với ông Trần Xuân P.*

2. *Về con chung:* Giao cháu Trần Diệu Q, sinh ngày 17/02/2010 cho ông Trần Xuân P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Nguyễn Thị Ngọc L do ông Phúc không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Trần Xuân P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quy định: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0008184 ngày 03/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà L đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.Nha Trang;
- Chi cục THA.DS TP.Nha Trang;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã V, Nha Trang, Khánh Hòa,
(Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2009,
quyển số 01, ngày 10/3/2009)
- Lưu án văn, hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Minh